



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG MANULIFE BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011



ĐỘI NGŨ
CHUYÊN GIA ĐẦU TƯ
GIÀU NĂNG LỰC

PHÁT HUY ƯU THẾ
NHỜ NGUỒN LỰC HỖ TRỢ
TOÀN CẦU

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
MANULIFE VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÁO CÁO TỔNG HỢP

- 03 Thông Đ报 từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- 04 Tóm tắt hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2011
- 08 Tình hình kinh tế năm 2011
- 10 Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2011 & Triển vọng 2012
- 12 Báo cáo của Ban Điều hành Quỹ năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- 15 Thông tin chung
- 16 Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ
- 17 Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán
 - 17 - Báo cáo kiểm toán độc lập
 - 18 - Bảng cân đối kế toán
 - 19 - Báo cáo Kết quả hoạt động
 - 20 - Báo cáo Tài sản
 - 21 - Báo cáo Thay đổi giá trị tài sản ròng
 - 22 - Báo cáo Danh mục đầu tư
 - 25 - Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- 35 Giới thiệu Tập đoàn Manulife Asset Management
- 38 Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- 39 Ghi chú quan trọng



THÔNG ĐIỆP

TỪ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư

Kính thưa Quý Nhà đầu tư,

Năm 2011 là một năm đầy thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các yếu tố kinh tế vĩ mô như lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá tiếp tục là tâm điểm của thị trường, của các nhà điều hành chính sách cũng như của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Xuyên suốt năm 2011, Chính phủ đã tập trung vào mục tiêu kiềm chế lạm phát, kiểm soát cung tiền và tăng trưởng tín dụng đồng thời giữ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý. Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 5,9%, thấp hơn đáng kể so với mức 6,8% đạt được năm 2010 do kết quả của chính sách thất chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát. Tuy nhiên, chúng tôi nhìn nhận việc tăng trưởng chậm lại là cần thiết nhằm ổn định các yếu tố kinh tế vĩ mô khác và sẽ có tác dụng tạo nền tảng cho việc tăng trưởng ổn định lâu dài trong các năm sắp tới.

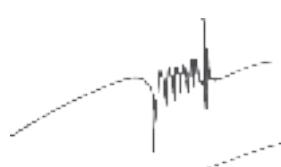
Chính phủ đã đề ra hàng loạt các chính sách và biện pháp nhằm cải tổ và cấu trúc lại nền kinh tế với tâm điểm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và khu vực đầu tư công trong năm 2012. Bước sang năm 2012, những tháng đầu năm 2012 sẽ còn nhiều khó khăn do các dòng vốn trong nền kinh tế chưa được khơi thông. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam sẽ có những chuyển biến tích cực theo hướng ổn định hơn vào nửa sau năm 2012 với cam kết của các nhà điều hành chính sách sẽ tiếp tục áp dụng chính sách tiền tệ thận trọng nhằm đưa lạm phát xuống tầm 10% trong khi hướng đến tăng trưởng GDP từ 6% - 6.5%.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán tiếp tục chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các biến động kinh tế vĩ mô trong năm 2011, Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam đã nỗ lực hết mình để tiếp tục điều hành Quỹ một cách hiệu quả theo định hướng chiến lược và mục tiêu đã được đề ra từ ngày Quỹ được thành lập vào năm 2007. Trong năm 2011, Quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife ("MAFPF1") đã có kết quả hoạt động khả quan, vượt kết quả hoạt động của chỉ số lợi nhuận chuẩn VN Index là 7%. Chỉ số VN Index giảm 27,5% trong khi giá trị tài sản ròng của Quỹ MAFPF1 có mức giảm thấp hơn nhiều là 20,4%. Với kết quả này, Quỹ MAFPF1 tiếp tục là một trong số các quỹ đầu tư đạt kết quả hoạt động tốt nhất trong nhóm các Quỹ cùng phân loại tại Việt Nam. Kết quả này đạt được nhờ vào đội ngũ chuyên viên đầu tư chuyên nghiệp, tận tâm, quy trình đầu tư có tính kỷ luật cao và tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực quốc tế cùng với sự hợp tác chặt chẽ với Ban Đại diện Quỹ trong suốt năm 2011 vừa qua.

Chúng tôi nhìn nhận rằng trong năm 2012, với một số chuyển biến tích cực về kinh tế vĩ mô, tình hình khó khăn về nguồn vốn đầu tư nói chung sẽ phần nào được cải thiện tạo tiền đề cho sự phục hồi bước đầu của thị trường chứng khoán vào nửa cuối năm 2012. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng danh mục đầu tư hiện tại của Quỹ MAFPF1 được xây dựng trên một nền tảng vững chắc nhằm tạo giá trị trong trung và dài hạn cho Quý nhà đầu tư.

Chúng ta đang bước vào năm hoạt động thứ năm của Quỹ MAFPF1. Nhân dịp này chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành vì sự đồng hành và ủng hộ của Quý nhà đầu tư trong suốt những năm vừa qua.

Trân trọng,



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư

BÁO CÁO TỔNG HỢP

- Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ
- Tình hình Kinh tế 2011
- Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2011 & triển vọng 2012
- Báo cáo của Ban Điều hành Quỹ 2011

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 2011

Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ II gồm năm thành viên, có nhiệm kỳ hai năm, được bầu chọn thông qua Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2009, tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh ngày 26/03/2010. Ban Đại diện Quỹ gồm:

Bà Nguyễn Ngọc Trang, chuyên gia tài chính	Chủ tịch
Bà Trịnh Bích Ngọc	Thành viên
Bà Lâm Lệ Linh, đại diện nhà đầu tư cá nhân	Thành viên
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu khí Việt Nam (PVFC)	Thành viên
(Đại diện bởi Ông Phạm Trường Giang)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt	Thành viên
(Đại diện bởi Ông Tống Văn Dũng)	

Ghi chú: kể từ ngày 30/06/2011, số thành viên Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife (MAFPF1) giảm xuống còn 04 thành viên, lý do: thành viên PVFC do ông Phạm Trường Giang làm đại diện xin từ nhiệm và Công ty TNHH quản lý Quỹ Manulife Việt Nam đã gửi Công văn số 110608/CV-MAMV ngày 30 tháng 06 năm 2011, công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.



Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ trong năm 2011 - những nội dung chính

1. Ngày 14 tháng 06 năm 2011. Số thành viên tham dự: 4/5

- Hình thức tổ chức: phi tập trung, thảo luận và thông qua ý kiến bằng văn bản.
- Các báo cáo và tài liệu liên quan đã được gửi (email) đến tất cả các thành viên để đọc, cho ý kiến phản hồi và phê duyệt các đề xuất của Ban Đại diện Quỹ (nếu có), bao gồm: (i) Báo cáo của Người Điều hành Quỹ, (ii) Báo cáo chi phí và giải trình; Chi tiết danh mục đầu tư tại 31/03/2011, (iii) Báo cáo chi phí liên quan đến Đại hội Nhà đầu tư 2010, (iv) Các tờ trình liên quan đến việc thay đổi tham số đầu tư và Điều lệ Quỹ.
- Ban Đại diện Quỹ đề nghị Công ty quản lý quỹ chuẩn bị hai nội dung quan trọng sau đây để trình bày tại kỳ họp Ban Đại diện Quỹ Q2/2011: (i) Thay đổi tham số đầu tư nhằm tạo điều kiện cho Người Điều hành Quỹ linh hoạt hơn trong việc

quản lý danh mục và nâng cao hiệu quả đầu tư của Quỹ, (ii) cập nhật thông tin về Quỹ Mở: khung pháp lý, việc chuyển đổi quỹ và công tác chuẩn bị.

- Báo cáo của Ngân hàng giám sát: không có vấn đề quan trọng nào cần báo cáo cho Ban Đại diện.
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu khí Việt Nam (PVFC), thành viên Ban Đại diện Quỹ, đại diện bởi ông Phạm Trường Giang, có Công văn từ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ. Căn cứ Điều 29.2 Điều lệ Quỹ, việc chỉ định thành viên thay thế sẽ được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2011.

2. Ngày 27 tháng 07 năm 2011. Số thành viên tham dự: 4/4

- Người Điều hành Quỹ cập nhật thông tin về kinh tế và thị

trường, báo cáo kết quả hoạt động đầu tư của quý Q2/2011, đồng thời đưa ra nhận định về triển vọng và chiến lược đầu tư của Quỹ trong giai đoạn tiếp theo.

- Sau phần trình bày của Người Điều hành Quỹ và đại diện Công ty Quản lý quỹ về nội dung liên quan, Ban Đại diện Quỹ cùng với bộ phận Pháp lý và Tân chủ của Công ty đã dành nhiều thời gian để thảo luận và cho ý kiến về hai chủ đề quan trọng: (i) sửa đổi Điều lệ quỹ liên quan đến tham số đầu tư, và (ii) Quỹ mở và khả năng chuyển đổi quỹ đóng hiện tại thành dạng Quỹ Mở.
- Quyết định của Ban Đại diện Quỹ, liên quan đến:

Thay đổi tham số đầu tư:

a. Do chưa đạt được sự đồng thuận tuyệt đối giữa các thành viên Ban Đại diện Quỹ về tất cả các tham số đề nghị thay đổi trong các tờ trình của Công ty Quản lý quỹ và Công ty CP đầu tư Hà Việt (Thành viên Ban Đại diện Quỹ), cân nhắc chi phí và hiệu quả, Ban Đại diện Quỹ quyết định giữ nguyên các tham số đầu tư hiện tại như quy định tại Điều Lệ Quỹ;

b. Ban Đại diện Quỹ và Người Điều hành Quỹ tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường, tiếp tục thảo luận để có được một bản đề xuất thống nhất, trình Đại hội Nhà đầu tư Thường niên sắp tới, vào tháng 03/2012, bỏ phiếu phê duyệt.

Quỹ mở và khả năng chuyển đổi quỹ MAFPF1 thành dạng Quỹ Mở:

Đề nghị Công ty Quản lý Quỹ có phần trình bày kỹ lưỡng cụ thể hơn về khả năng và mức độ sẵn sàng của Công ty trong việc lập và quản lý Quỹ Mở; đồng thời chuẩn bị hồ sơ và thủ tục cần thiết để trình Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2011 phê duyệt thông qua Điều Lệ Quỹ (Sửa đổi) bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Cho phép Quỹ MAFPF1 là quỹ Công chúng dạng Đóng có thể được chuyển đổi thành Quỹ dạng Mở, khi các quy định pháp luật liên quan được ban hành và vì lợi ích cao nhất của Nhà đầu tư;
- Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ chuẩn bị và đệ trình phương án chuyển đổi chi tiết để Đại hội Nhà đầu tư bỏ phiếu thông qua;
- Kế toán trưởng Công ty quản lý quỹ Báo cáo chi phí hoạt động của quý Q2/2011.
- Đại diện Ngân hàng giám sát nhắc công ty Quản lý quỹ chuẩn bị phương án nhân sự thay thế ông Phạm Trường Giang, thành viên Ban Đại diện Quỹ đã từ nhiệm, để Đại hội Nhà đầu tư năm 2011 sắp tới phê duyệt. Ngoài ra, không có một vấn đề quan trọng nào cần báo cáo với Ban Đại diện Quỹ tại

kỳ họp Q2/2011.

3. Ngày 19 tháng 10 năm 2011. Số thành viên tham dự: 4/4

- Báo cáo của Người Điều hành Quỹ bao gồm: cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường, báo cáo kết quả và hoạt động đầu tư của quý Q3/2011, nhận định triển vọng thị trường và chiến lược đầu tư của quý Q4/2011. Người điều hành quỹ đã giải trình một số câu hỏi của Ban đại diện quỹ liên quan đến một số cổ phiếu và ngành cụ thể trong Danh mục đầu tư của quỹ.
- Liên quan đến việc thay đổi tham số đầu tư quy định trong Điều lệ quỹ, mặc dù vẫn còn quan điểm chưa thống nhất về tham số tỷ trọng tiền mặt, nhưng nhìn chung các thành viên dự họp đều nhất trí, cho rằng (i) việc thay đổi tham số đầu tư là cần thiết nhằm tạo sự linh hoạt cho Người Điều hành Quỹ và mang lại hiệu quả đầu tư tốt hơn, (ii) Ban đại diện tiếp tục thảo luận để đạt được một bản đề xuất thống nhất trình Đại hội nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2011 bỏ phiếu phê duyệt.
- Liên quan đến vấn đề Quỹ Mở, mặc dù khung pháp lý liên quan vẫn chưa rõ ràng về thời điểm ban hành, Ban Đại diện quỹ vẫn đề nghị Công ty Quản lý Quỹ chuẩn bị hồ sơ và thủ tục cần thiết để trình Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2011 bỏ phiếu phê duyệt hai nội dung cụ thể sau đây: (i) Cho phép Quỹ MAFPF1 được chuyển đổi thành Quỹ dạng Mở, khi các quy định pháp luật liên quan được ban hành và hiệu lực, vì lợi ích của Nhà đầu tư; (ii) Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ thẩm định, phê duyệt và ra Nghị quyết thực hiện phương án chuyển đổi chi tiết do Công ty Quản lý Quỹ đệ trình (nếu Pháp luật hiện tại cho phép).
- Kế toán trưởng Công ty quản lý quỹ Báo cáo chi phí hoạt động của quý Q3/2011.
- Đại diện Ngân hàng giám sát, bà Lê Thị Thành Tâm, cho biết: trong Quý 3/2011, Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện đúng và tuân thủ các quy định hiện hành và Điều lệ Quỹ; không có vấn đề quan trọng nào cần báo cáo với Ban Đại diện Quỹ.
- Ban Đại diện Quỹ sơ bộ thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên (GIM) năm tài chính 2011, bao gồm công tác chuẩn bị, dự trù ngân sách, Chương trình Đại hội (dự kiến)... do đại diện Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư trình bày.

4. Ngày 13 tháng 01 năm 2012. Số thành viên tham dự: 4/4

- Ban Điều hành Quỹ báo cáo cập nhật tình hình kinh tế vĩ

mô, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ trong Q4/2011 và chiến lược đầu tư của Quỹ trong năm 2012. Ban Đại diện Quỹ đề nghị Người điều hành quỹ có bài phân tích và nhận định về tác động của chính sách tăng trưởng tín dụng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, nền kinh tế và thị trường chứng khoán và do đó, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư của quỹ như thế nào?

- Văn bản pháp lý đầu tiên liên quan đến việc lập và quản lý Quỹ Mở tại Việt Nam – Thông tư 183/2011/TT-BTC – đã được chính thức ký ban hành ngày 16/12/2011. trên cơ sở đó, Bà Trinh – TGĐ công ty TNHH Quản lý quỹ Manulife Việt Nam đã có bài trình bày chi tiết với Ban Đại diện Quỹ về chủ đề này. Các điểm trình bày chính bao gồm:
 - a. Cập nhật về Nội Dung cơ bản của Thông Tư 183/2011/TT-BTC về Quỹ Mở;
 - b. Các điều kiện thành lập và hoạt động của Quỹ Mở;
 - c. Quy trình chuyển đổi từ Quỹ Đóng thành Quỹ Mở;
 - d. So sánh Quỹ Đóng và Quỹ Mở: Quy trình vận hành, Chi phí;
 - e. Thuận lợi và bất lợi của Quỹ Mở;
 - f. Quan điểm của Người Điều hành Quỹ;
 - g. Quy trình giao dịch CCQ của Quỹ Mở - minh họa.
- Công ty quản lý quỹ cũng đã tiến hành xin ý kiến của hai nhà đầu tư lớn, cũng là thành viên Ban Đại diện Quỹ - Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) và Công ty CP Đầu tư Hà Việt – về việc chuyển đổi quỹ MAFPF1 thành dạng Quỹ Mở.
- Ban Đại diện Quỹ thống nhất và đề nghị trình nội dung sau đây để được phê chuẩn và đưa vào Nghị Quyết Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm tài chính 2011:
 - a. Thống nhất về chủ trương việc chuyển đổi quỹ MAFPF1 từ dạng Đóng thành dạng quỹ Mở khi điều kiện thị trường thuận lợi trong năm 2013;
 - b. Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ chuẩn bị và lập phương án chuyển đổi trình Đại hội Nhà đầu tư bỏ phiếu phê duyệt để thực hiện.
- Ban Đại diện Quỹ cũng cho ý kiến về một số nội dung Dự thảo Điều lệ Quỹ (sửa đổi), bao gồm (i) thay đổi tham số đầu tư và (ii) nội dung liên quan đến “Ban Đại diện Quỹ”.
- Kế toán trưởng Công ty quản lý quỹ Báo cáo chi phí hoạt động của quỹ Q4/2011. Ban Đại diện Quỹ đề nghị Công ty quản lý quỹ trình bày dự toán chi phí hoạt động của

quỹ năm 2012 tại kỳ họp Ban Đại diện Quỹ Q1/2012 sắp tới.

- Đại diện Ngân hàng giám sát cho biết: không có vấn đề quan trọng nào cần báo cáo với Ban Đại diện Quỹ.
- Ban Đại diện Quỹ đã nghe giải trình và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Thường niên (GIM) năm tài chính 2011, do đại diện Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư trình bày.

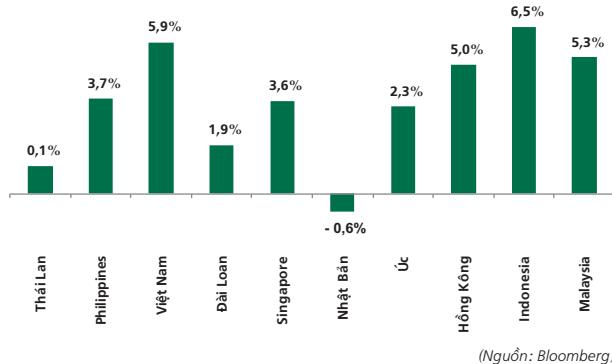


TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2011

Trong năm 2011 vừa qua, kinh tế Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn như lạm phát tăng cao, đồng tiền nội tệ mất giá, dự trữ ngoại hối suy giảm, v.v. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11 với gói giải pháp tổng thể trong đó bao gồm việc thắt chặt chính sách tiền tệ, cắt giảm chi tiêu công và một số biện pháp hành chính nhằm ổn định nền kinh tế và khôi phục lòng tin của công chúng.

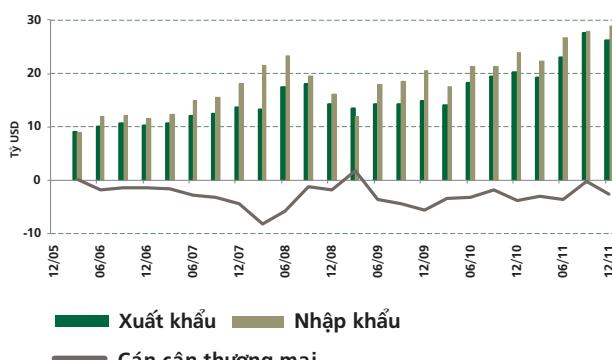
Mặc dù thực thi các chính sách tiền tệ chặt chẽ, nhưng Việt Nam vẫn đạt được mức tăng trưởng GDP là 5,89% và là một trong những nước có mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực.

Biểu 1. Tăng trưởng kinh tế 2011 của Việt Nam và các nước trong khu vực



Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đạt được sự tiến bộ trên một số lĩnh vực chủ chốt. Cụ thể, lần đầu tiên trong nhiều năm, thâm hụt thương mại của Việt Nam đã được thu hẹp xuống còn 9% tổng kim ngạch xuất khẩu trong khi mức bình quân trong 5 năm qua là 17%. Với cải thiện cùng với việc gia tăng kiều hối và mức giải ngân các dự án đầu tư nước ngoài, cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam đã chuyển từ thâm hụt sang thặng dư 3 tỷ USD. Hơn nữa, chính sách tiền tệ chặt chẽ cộng với việc áp dụng các biện pháp mạnh nhằm kiểm soát thị trường vàng và đô la không chính thức đã giúp Việt Nam tăng dự trữ ngoại hối khoảng 4,5 tỷ USD trong năm 2011, bằng khoảng 2 tháng nhập khẩu so với mức khoảng 12,5 tỷ USD trong đầu năm 2011.

Biểu 3. Cán cân thương mại Việt Nam (Tỷ USD)



Về cơ cấu kinh tế, tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng theo lĩnh vực kinh tế cho thấy cơ cấu tương đối cân bằng khi hai lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đóng góp tới hơn 83% GDP trong khi nông nghiệp đóng góp 16,1%. Bên cạnh đó, lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ cũng ghi nhận mức tăng trưởng ổn định.

Mặc dù mức tăng trưởng kinh tế năm 2011 thấp hơn so với mức trung bình 5 năm qua, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn đang được cải thiện dần qua các quý và cho thấy nền kinh tế vẫn đang đi đúng hướng.

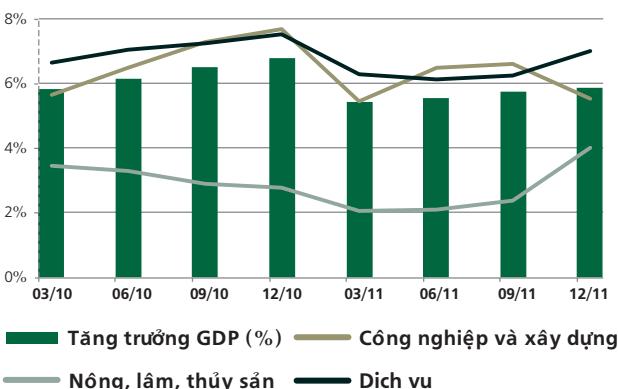
Tăng trưởng kinh tế

Đơn vị: %

	2010	2011
Tăng trưởng GDP	6,78	5,89
Theo các khu vực kinh tế		
Nông, lâm, thủy sản	2,78	4,00
Công nghiệp và xây dựng	7,70	5,53
Dịch vụ	7,52	6,99
Theo quý		
Quý I	5,84	5,57
Quý II	6,44	5,68
Quý III	7,18	6,07
Quý IV	7,34	6,10

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Biểu 2. Tăng trưởng theo quý của các khu vực kinh tế của Việt Nam



Đối với chi tiêu ngân sách, trong năm 2011, chủ trương cắt giảm đầu tư công cùng với việc tăng thu ngân sách khoảng 20% đã giúp Việt Nam đạt được mục tiêu thâm hụt ngân sách dưới 5%. Ước tính, thâm hụt ngân sách năm 2011 của Việt Nam là 4,9% GDP.

Việc thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa chặt chẽ cũng giúp giảm bớt áp lực lạm phát. Mặc dù lạm phát năm 2011 vẫn ở mức cao (18,13%), tuy nhiên lạm phát đã đạt đỉnh vào tháng 8 và đang tiếp tục xu hướng đi xuống. Các số liệu thống kê trong quý 4 cho thấy mức lạm phát trung bình tháng chỉ còn 0,43% mặc dù quý 4 thông thường là quý có lạm phát cao trong năm.

Như vậy có thể thấy Chính phủ đã đạt được những thành quả nhất định trong việc ổn định nền kinh tế. Mặc dù những vấn đề Việt

Nam phải đổi mới chưa được giải quyết hoàn toàn triệt để, tuy nhiên, nhiều lĩnh vực chủ chốt như lạm phát, thâm hụt ngân sách, dũ trữ ngoại hối...đã được cải thiện. Điều đó cho thấy các biện pháp trong gói giải pháp được nêu trong Nghị quyết 11 của Chính phủ bắt đầu phát huy hiệu lực và tình hình đã được kiểm soát.

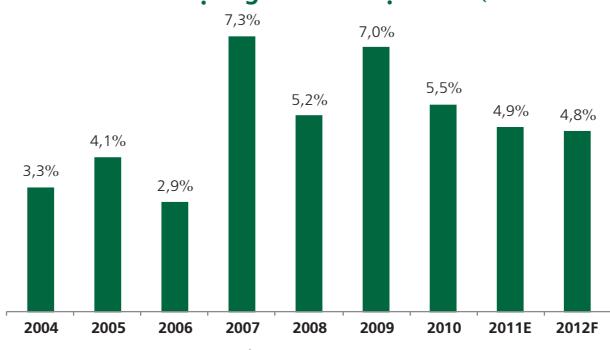
Triển vọng năm 2012

Với các kết quả đáng khích lệ ban đầu và cam kết tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa chặt chẽ trong năm 2012, chúng tôi tin rằng Việt Nam sẽ đạt được mức tăng trưởng cân bằng và ổn định hơn. Điều này được thể hiện rõ trong chính sách phát triển kinh tế xã hội năm 2012 với trọng tâm là kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế.

Chính sách tài khóa

Chính phủ đã nhận ra việc tăng chi tiêu ngân sách cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các khó khăn như kinh tế tăng trưởng nóng và mức nợ công tăng cao. Do đó, mục tiêu cho năm 2012 là cắt giảm mức thâm hụt ngân sách từ 4,9% năm 2011 xuống còn 4,8% GDP. Mặc dù Chính phủ sẽ gặp nhiều thách thức trong việc đạt được mục tiêu này do viễn cảnh khó khăn trong tăng trưởng xuất khẩu, khả năng giá dầu giảm vì triển vọng kinh tế ảm đạm của khu vực đồng tiền chung Châu Âu và sự phục hồi chậm chạp của thị trường Mỹ. Tuy nhiên, việc đặt mục tiêu như trên cho thấy Chính phủ đã có những động thái nỗ lực nhằm giảm thâm hụt ngân sách.

Biểu 4. Thâm hụt ngân sách Việt Nam (% của GDP)



(Nguồn: Bộ Tài chính, Dự báo của Manulife AM (Việt Nam))

Chính sách tiền tệ

Với kinh nghiệm điều hành trong những những năm trước, Ngân hàng Nhà nước đã duy trì chính sách tiền tệ chặt chẽ trong cả năm 2011. Sang năm 2012, mục tiêu tăng trưởng tín dụng được đặt ra là 15% đến 17% và tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán tăng 14% đến 16%. Điều này cho thấy Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cam kết thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ khi mức tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán đều thấp hơn trung bình của những năm trước.

Tăng trưởng kinh tế

Với định hướng chính sách như vậy, nên mức tăng trưởng GDP và CPI đã được đặt lần lượt ở mức 6,0 - 6,5% và dưới 10%. Mặc dù vẫn còn nhiều rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng đạt được hai mục tiêu này, nhưng việc đặt các mục tiêu như vậy cho thấy Chính phủ đang nỗ lực muốn nâng cao tính hiệu quả và ổn định

trong nền kinh tế. Để nền kinh tế vận hành ổn định và hiệu quả hơn, Chính phủ cũng đã có kế hoạch tái cấu trúc một số lĩnh vực thiếu hiệu quả trong nền kinh tế như tái cấu trúc đầu tư công, tái cấu trúc thị trường tài chính và tiếp tục cải cách doanh nghiệp nhà nước.

Rủi ro

Triển vọng kinh tế năm 2012 vẫn tiềm ẩn những rủi ro nhất định nếu như có những cú sốc về nhu cầu hoặc giá cả hàng hóa trên thế giới. Là một nền kinh tế tương đối mở, Việt Nam rất dễ bị ảnh hưởng bởi các cú sốc bên ngoài và những biến động bất lợi từ nền kinh tế toàn cầu.

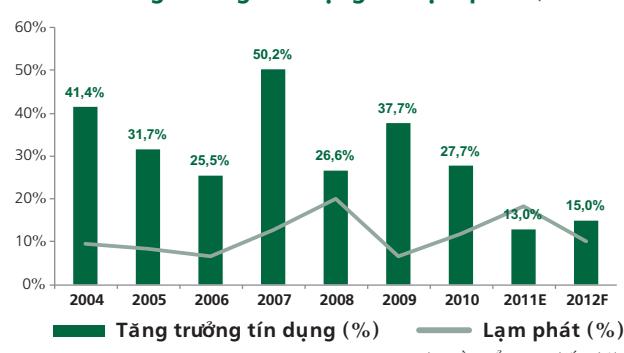
Bên cạnh đó quá trình tái cấu trúc mà Chính phủ đang thực hiện cũng sẽ dẫn đến việc trợ giá cho năng lượng và một số nguyên liệu cơ bản sẽ dần dần được dỡ bỏ và điều này sẽ góp phần làm giá năng lượng (điện, than...) tăng trong năm 2012. Nếu quá trình này không được thực hiện một cách cẩn trọng, nó có thể gây ra những cú sốc về giá cho nền kinh tế và sẽ kích hoạt vòng xoáy giá, khiến Chính phủ khó đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát.

Một rủi ro nữa là theo kinh nghiệm một số năm gần đây cho thấy lòng tin của người dân đối với tiền đồng và sự nhút nhát chính sách còn chưa cao. Nếu như Chính phủ sớm nới lỏng chính sách khi kỳ vọng lạm phát vẫn cao thì có thể khiến dòng tiền dịch chuyển từ đồng nội tệ sang một số tài sản khác có khả năng bảo toàn giá trị cao hơn như vàng hoặc đô la trong khi dự trữ ngoại hối của Việt Nam còn mỏng và sẽ hạn chế khả năng của Ngân hàng Nhà nước trong việc can thiệp, bình ổn thị trường dẫn đến khả năng phát sinh vòng xoáy phá giá và giảm giá tiền đồng.

Kết luận

Gói giải pháp bình ổn theo Nghị quyết 11 đã bước đầu mang lại hiệu quả. Hơn nữa, Chính phủ cũng nhận diện được nguyên nhân cho những khó khăn hiện tại và đã có kế hoạch để giải quyết tận gốc rễ các vấn đề trong tương lai. Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu không thể hoàn thành trong một sớm một chiều và phía trước vẫn còn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến tiến trình này. Nhìn chung lại, chúng tôi tin rằng những vấn đề phát sinh trong năm 2011 cũng chính là những nhân tố đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu và cải cách của Việt Nam trong những năm tới, và quá trình tái cơ cấu này sẽ lại giúp ổn định kinh tế và khôi phục lòng tin vào triển vọng kinh tế Việt Nam.

Biểu 5. Tăng trưởng Tín dụng và Lạm phát (theo năm)

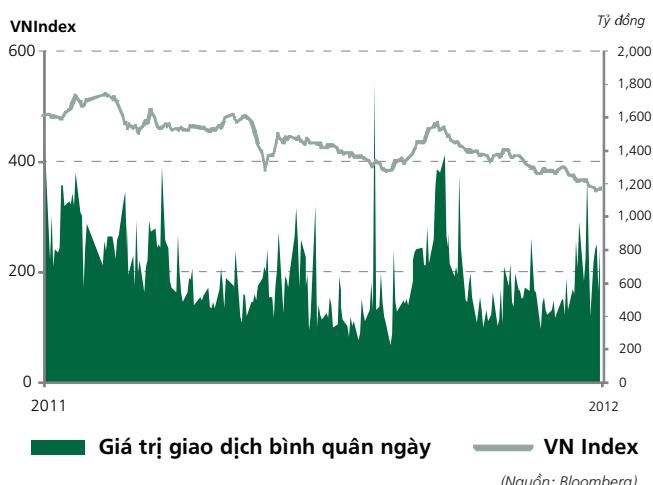


(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2011 & TRIỂN VỌNG 2012

Thị trường cổ phiếu Việt Nam năm 2011

Thị trường cổ phiếu Việt Nam trải qua nhiều biến động và sụt giảm mạnh trong năm 2011. Chỉ số VN Index chốt năm ở mức 351 điểm, giảm 27,5% so với năm 2010, trở thành thị trường giảm điểm mạnh nhất so với các thị trường khác thuộc khu vực Châu Á. Vốn hóa của thị trường (VN Index) tính theo USD giảm 31% so với năm 2010, đạt mức 26,5 tỷ USD. Như chúng tôi dự báo vào đầu năm, các vấn đề về kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục tồn tại trong năm 2011 và đã gây nên những tác động tiêu cực đối với thị trường chứng khoán.



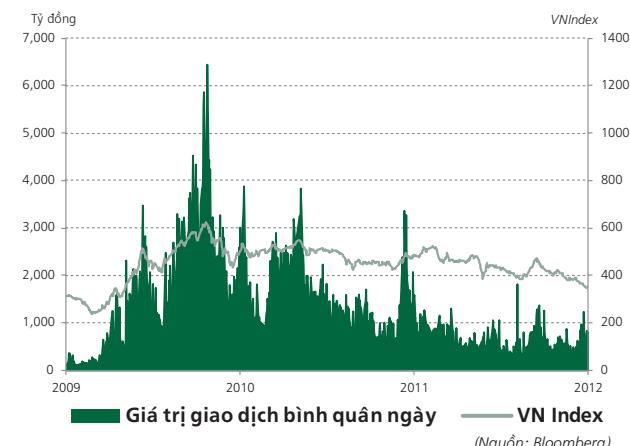
Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2011, thị trường cổ phiếu sụt giảm 20% do tác động tiêu cực từ các yếu tố kinh tế vĩ mô như tỷ giá điều chỉnh 9,3%, giá xăng tăng 30%, giá điện tăng 15%. Từ giữa tháng 8, thị trường có một đợt phục hồi ngắn hạn với mức tăng 22,3% do kỳ vọng của nhà đầu tư về việc hạ lãi suất. Tuy nhiên, thị trường quay lại trạng thái giảm điểm từ giữa tháng 9 do lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ở mức cao (19-20%) và các quan ngại về nợ xấu ngân hàng ngày càng gia tăng.

Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh, ở mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Giá trị giao dịch trung bình phiên trong năm 2011 giảm 61% so với năm 2010, chỉ đạt 632 tỷ đồng (31,6 triệu USD). Sự sụt giảm mạnh về thanh khoản bắt nguồn từ chính sách thắt chặt tiền tệ, quản lý rủi ro tín dụng (hạn chế tín dụng phi sản xuất ở mức tối đa 16% tổng dư nợ) làm cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư rất khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn.

Sự giảm giá mạnh đã làm cho thị trường chứng khoán Việt Nam trở nên rẻ nhất trong khu vực. Tại thời điểm cuối năm chỉ số P/E của toàn thị trường Việt Nam ở mức 7,2 lần, thấp hơn mức bình quân của khu vực Châu Á là 10,5 lần. Điều này đã làm cho các doanh nghiệp có yếu tố cơ bản vững mạnh trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

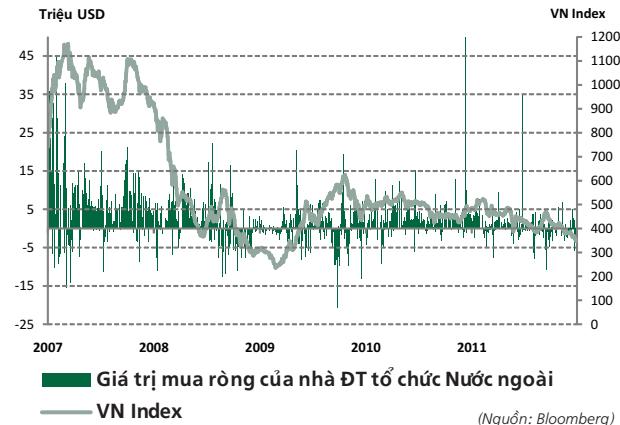
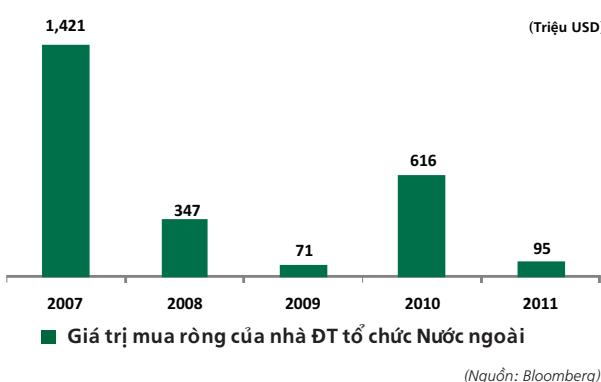


Năm 2011 đã chứng kiến nhiều thương vụ mua bán thông qua hình thức mua bán và hợp nhất (M&A), các đợt phát hành cho đối tác chiến lược như KKR mua 10% cổ phiếu Masan Consumer, Mizuho mua 15% cổ phiếu của Vietcombank, IFC mua 10% cổ phiếu của Vietinbank, Diageo mua 24,93% cổ phiếu của Halico.v.v.



Mặc dù các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trong quý 3 và quý 4 nhưng xét cả năm 2011, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài vẫn mua ròng 95 triệu USD, đây là mức đầu tư ròng thấp thứ hai trong vòng 5 năm trở lại đây. Tuy nhiên, trong năm 2012 và 2013 là khoảng thời gian mà một số quỹ đầu tư vào thị trường Việt Nam đến thời hạn đóng quỹ và đây có thể là một trở ngại đáng kể cho thị trường niêm yết.





Triển vọng thị trường năm 2012

Năm 2011 là năm bộc lộ rõ những điểm yếu của nền kinh tế Việt Nam và chính phủ đã mạnh dạn nhìn nhận lại nguyên nhân sâu xa của các yếu kém này và bước đầu đã thực hiện những biện pháp nhằm ổn định nền kinh tế, khôi phục lại niềm tin của nhà đầu tư. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng quá trình này sẽ mất nhiều thời gian và một số thách thức đối với nền kinh tế sẽ còn tồn tại trong năm 2012, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán, ví dụ như:

- Việc tăng giá điện từ 10-15% trong năm 2012 sẽ ảnh hưởng xấu đến nỗ lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ.
- Tình hình nợ xấu tăng lên của hệ thống ngân hàng ảnh hưởng tiêu cực đến tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng. Đồng thời, mặt bằng lãi suất cho vay vẫn còn cao sẽ làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp, không khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất.
- Tiếp tục hạn chế tăng trưởng tín dụng lĩnh vực phi sản xuất bao gồm tín dụng cho lĩnh vực mua bán chứng khoán, như vậy dòng tiền đi vào thị trường chứng khoán sẽ ít đi. Tuy nhiên xét về dài hạn điều này sẽ tích cực hơn cho thị trường chứng khoán vì sẽ hạn chế được dòng tiền đầu cơ (tiền vay ngắn hạn) chuyển từ hệ thống ngân hàng sang thị trường chứng khoán làm giá cổ phiếu biến động mạnh, tách rời với kết quả hoạt động kinh doanh và tiềm năng tăng trưởng của công ty. Như vậy, với chính sách hạn chế tín dụng này, kỳ vọng giá cổ phiếu sẽ không tăng hay giảm một cách đột biến mà sẽ tăng hay giảm gắn liền với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kế hoạch thoái vốn của các Tổng công ty nhà nước trong năm 2012 đối với các khoản đầu tư ngoài ngành cũng sẽ làm tăng lượng cung cổ phiếu trên thị trường.

Bên cạnh những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường chứng khoán, chúng tôi cũng nhận thấy một số nhân tố tích cực có thể giúp thị trường cổ phiếu tăng trưởng trong năm như quyết tâm của chính phủ trong việc kiềm chế lạm

phát trở về mức một con số làm tiền đề cho việc hạ lãi suất tiền gửi xuống 10% từ mức hiện tại 14%, giảm chi phí lãi vay cho các doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với những phân tích trên, chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng đối với thị trường chứng khoán trong năm 2012. Mặc dù chúng tôi dự báo mức tăng trưởng lợi nhuận trung bình của các doanh nghiệp niêm yết có thể đạt ở mức 10-12% trong năm 2012, chúng tôi cho rằng ít nhất trong nửa năm đầu của năm 2012 nền kinh tế vẫn tiếp tục gặp các thách thức. Chúng tôi tin rằng việc kiềm chế lạm phát thành công ở mức một con số, việc giảm lãi suất cho vay xuống dưới mức 15% và nối lỏng tín dụng hơn là tiền đề quan trọng cho thị trường chứng khoán tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Trong năm 2012, chúng tôi tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp có mối liên hệ mật thiết với tiêu dùng nội địa; hoặc có doanh thu về xuất khẩu ổn định, có các chỉ số cơ bản tốt, quản trị doanh nghiệp tốt, doanh thu và lợi nhuận được giữ vững và có khả năng tăng trưởng trong năm 2012-2014.

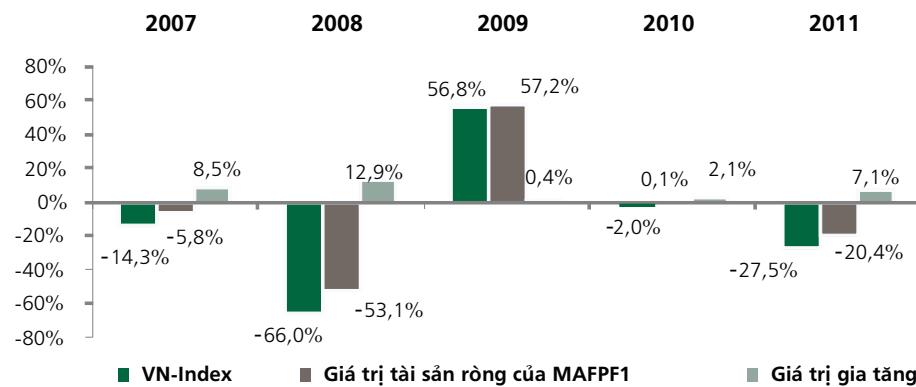
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH QUÝ

Báo cáo hoạt động đầu tư

Lợi nhuận hàng năm	2007	2008	2009	2010	2011	Lũy kế từ khi lập Quỹ
(1) VN-Index	-14,3%	-66,0%	56,8%	-2,0%	-27,5%	-67,5%
(2) Giá trị tài sản ròng của MAFPF1	-5,8%	-53,1%	57,2%	0,1%	-20,4%	-44,8%
Giá trị gia tăng: (2)-(1)	8,5%	12,9%	0,4%	2,1%	7,1%	22,7%

VN Index giảm 27,5% trong năm 2011, tuy nhiên giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife (MAFPF1) chỉ giảm 20,4%, tốt hơn so với chỉ số so sánh VN Index là 7,1% do kết quả của kỹ năng chọn lựa cổ phiếu để đầu tư và phân bổ tỷ trọng các cổ phiếu và tỷ trọng tiền mặt trong danh mục đầu tư ở từng thời điểm một cách hợp lý. Nếu tính từ khi lập Quỹ năm 2007, hiệu quả đầu tư của Quỹ tốt hơn chỉ số so sánh VN Index là 22,7%

Quỹ tiếp tục duy trì được kết quả đầu tư tốt hơn so với chỉ số so sánh chuẩn VN Index bất chấp những khó khăn trong năm 2011 là do Người Điều hành Quỹ đã chủ động thay đổi cơ cấu tài sản của Quỹ theo hướng tăng tỷ trọng tiền mặt lên mức tối đa theo điều lệ Quỹ (10% NAV) và cơ cấu lại danh mục đầu tư cổ phiếu nhằm hạn chế sự sụt giảm giá trị tài sản ròng của Quỹ trong điều kiện thị trường giảm điểm.



(Nguồn: Manulife AM (Việt Nam), Bloomberg)

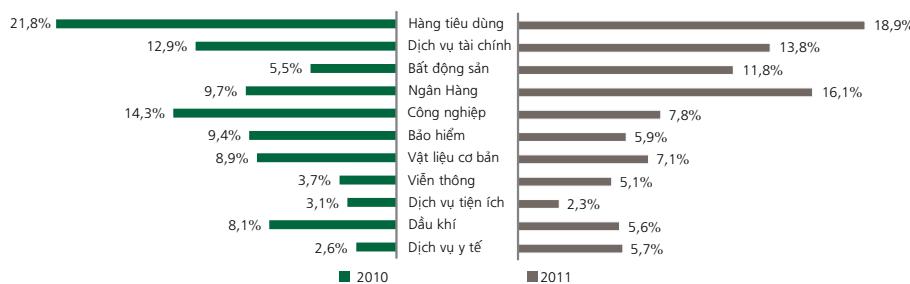
Cơ cấu tài sản của Quỹ



(Nguồn: Manulife AM (Việt Nam), Bloomberg)

MAFPF1 là một Quỹ đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Vào cuối năm 2011, tỷ trọng tiền mặt của Quỹ tăng lên mức tối đa 10% từ mức 5,8% năm 2010.

Thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư trong năm 2011



(Nguồn: Manulife AM (Việt Nam), Bloomberg)

Danh mục đầu tư đã được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư vào các ngành dịch vụ y tế, ngân hàng, viễn thông và cổ phiếu VIC thuộc ngành bất động sản do lợi nhuận của một số công ty trong các ngành này vẫn đảm bảo tăng trưởng tốt và tốc độ sụt giảm giá chứng khoán thấp hơn so với mức giảm chung của toàn thị trường. Chúng tôi đã giảm tỷ trọng đầu tư vào các ngành công

nghiệp, dịch vụ tiện ích do các ngành này bị ảnh hưởng lớn từ việc lãi suất tăng cao và tốc độ tăng trưởng kinh tế bị chậm lại trong năm 2011. Đồng thời giảm tỷ trọng ngành bảo hiểm, cụ thể là BVH, để thực hiện hóa lợi nhuận do chúng tôi tin rằng giá cổ phiếu này đã tăng cao hơn so với tiềm năng tăng trưởng của công ty.

05 Cổ phiếu có tỷ trọng cao nhất trong danh mục

Tên Công ty	Mã CK	MAFPF1	VN Index
CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM	VNM	9,7%	12,1%
CÔNG TY CP VINCOM	VIC	9,2%	10,0%
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MASAN	MSN	8,4%	11,5%
CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG	DHG	5,2%	1,0%
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT	BVH	5,0%	7,2%

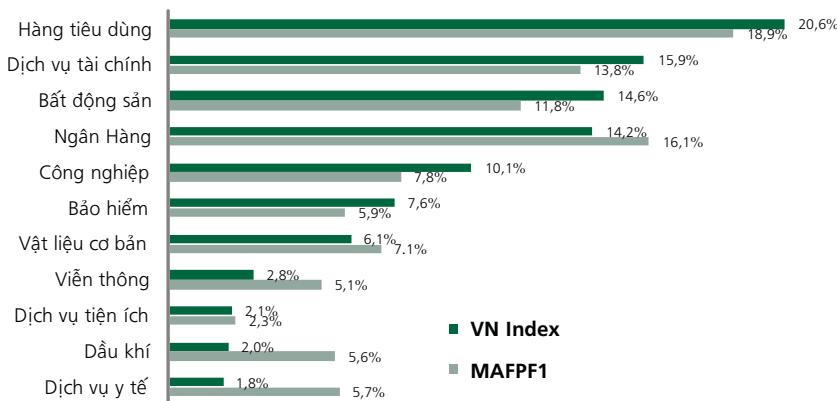
Ghi chú: Không bao gồm tiền mặt. Số liệu ngày 31/12/2011

(Nguồn: Manulife AM (Việt Nam), Bloomberg)

Mặc dù một số công ty trong ngành hàng tiêu dùng được đánh giá tốt về tiềm năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, có tính chất phòng thủ rất cao, tuy nhiên, theo điều lệ Quỹ hiện tại, chúng tôi chỉ có thể đầu tư tối đa 10% giá trị

tài sản ròng của Quỹ vào một cổ phiếu riêng lẻ, do đó tỷ trọng đầu tư vào các cổ phiếu này trong danh mục đầu tư của Quỹ MAFPF1 thấp hơn tỷ trọng của các cổ phiếu đó trong VN Index (VNM là một ví dụ).

Cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành của Quỹ cuối năm 2011 so với VN Index



(Nguồn: Manulife AM (Việt Nam), Bloomberg)

Định hướng chiến lược hoạt động của Quỹ năm 2012

Chúng tôi tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư dựa vào việc phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, kết hợp với việc phân tích và lựa chọn các cổ phiếu đơn lẻ có tiềm năng tăng trưởng tốt, quản trị tốt, ít nhất duy trì được mức doanh thu và lợi nhuận trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế. Với việc hạn chế tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực phi sản xuất bao gồm cả kinh doanh chứng khoán trong năm 2012, chúng tôi tin tưởng rằng trong năm 2012 giá chứng khoán sẽ ít bị ảnh hưởng bởi dòng tiền đầu cơ ngắn hạn mà sẽ phụ thuộc nhiều vào các yếu tố cơ bản của nền kinh tế và tình hình kinh doanh của từng công ty.

Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào một số công ty trong ngành ngân hàng, tiêu dùng, viễn thông, dịch vụ y tế và dầu khí có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định trong năm 2012, được định giá ở mức hợp lý và xem xét tăng tỷ trọng đầu tư vào ngành hàng tiêu dùng so với mức hiện tại. Chúng tôi vẫn duy trì tỷ trọng đầu tư thấp vào các ngành bất động sản, dịch vụ tiện ích và dịch vụ tài chính vì theo đánh giá của chúng tôi, các ngành này sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2012 và tốc độ tăng trưởng thấp hơn các ngành khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUÝ
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối Kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động
- Báo cáo tài sản
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
- Báo cáo danh mục đầu tư
- Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết Định số 181/QD-

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPDC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC – UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ

SGDHCN ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam ("MAMV"), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHDQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK-GPDC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPĐC – UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011

đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại

hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh kế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được qui định tại Điều lệ Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Bà Lâm Lê Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Bà Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010
Ông Phạm Trường Giang (đại diện Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2011
Ông Tống Văn Dũng (đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUÝ

Ban Đại diện Quý Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán và các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính, và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUÝ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Bà Nguyễn Ngọc Trang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2012

Số tham chiếu: 60780547/15415838

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được trình bày từ trang 5 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây gọi chung là "các báo cáo tài chính").

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam là Công ty Quản lý của Quỹ và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trong yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bảng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 về việc ban hành Chế độ kế toán Quỹ Đầu tư chứng khoán và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0452/KTV

Trần Thị Minh Tiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1331/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 2 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01-QĐT

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	4	11.822.500.501	7.819.418.218
120	2. Đầu tư chứng khoán	5	106.902.835.700	140.835.031.126
131	3. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	137.721.111	652.018.562
200	TỔNG TÀI SẢN		118.863.057.312	149.306.467.906
B. NGUỒN VỐN				
300	I. Nợ phải trả		570.467.019	607.476.663
315	1. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	7	217.516.845	268.278.783
318	2. Phải trả khác	8	352.950.174	339.197.880
400	II. Nguồn vốn chủ sở hữu		118.292.590.293	148.698.991.243
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư <i>Trong đó:</i>	9	214.095.300.000	214.095.300.000
411	1.1 Vốn góp		214.095.300.000	214.095.300.000
420	2. Lỗ lũy kế	10	(95.802.709.707)	(65.396.308.757)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.863.057.312	149.306.467.906

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1	Chứng khoán theo mệnh giá		41.427.080.000	38.055.230.000



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiên
Kế toán trưởng



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

B02-QĐT

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	2011	2010
A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN				
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		6.438.109.254	71.079.304
11	1. Cổ tức được nhận		4.823.264.200	4.753.885.000
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		35.200.438	25.119.562
13	3. Lãi tiền gửi		416.475.607	9.004.564
14	4. Lỗ từ kinh doanh chứng khoán		1.163.169.009	(4.718.893.458)
15	5. Thu nhập khác		-	1.963.636
30	II. Chi phí		3.712.951.744	3.799.568.682
31	1. Phí quản lý quỹ và thuởng hoạt động	14(i)	2.730.108.968	2.946.128.046
32	2. Phí giám sát và quản lý tài sản Quỹ	4(ii)	260.733.039	232.506.640
33	3. Chi phí họp, đại hội		113.730.000	113.730.000
34	4. Chi phí kiểm toán		252.913.619	211.178.352
38	5. Phí và chi phí khác	11	355.466.118	296.025.644
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện trong năm		2.725.157.510	(3.728.489.378)
B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN				
60	I. Thu nhập		7.181.964.138	20.874.397.037
61	1. Thu nhập do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		7.181.964.138	20.874.397.037
70	II. Chi phí		(40.313.522.598)	(16.955.081.525)
71	1. Lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		(40.313.522.598)	(16.955.081.525)
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện trong năm		(33.131.558.460)	3.919.315.512
90	(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm		(30.406.400.950)	190.826.134



Ms. Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phân Dịch Vụ Quản Lý Khoản HSBC

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÀI SẢN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B05-QĐT

VNĐ

Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1	Tiền		11.822.500.501	7.819.418.218
2	Các khoản đầu tư		106.902.835.700	140.835.031.126
2.1	Trái phiếu		-	857.067.276
2.2	Cổ phiếu		106.902.835.700	139.759.683.700
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết		106.902.835.700	139.759.683.700
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết			218.280.150
3	Cổ tức được nhận		133.000.000	626.899.000
4	Lãi được nhận		4.721.111	25.119.562
	Tổng tài sản		118.863.057.312	149.306.467.906
5	Phải trả cho Ban Đại diện Quỹ		-	-
6	Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Lưu ký		(217.516.845)	(268.278.783)
7	Các khoản phải trả khác		(352.950.174)	(339.197.880)
	Tổng nợ phải trả		(570.467.019)	(607.476.663)
	Tài sản ròng của Quỹ		118.292.590.293	148.698.991.243
8	Tổng số đơn vị quỹ		21.409.530	21.409.530
9	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ (mệnh giá 10.000 VNĐ/dơn vị quỹ)		5.525	6.945



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Ms. Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Quản Lý Khoản HSBC

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiến
Kế toán trưởng



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

B06-QĐT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ Tiêu	VND	
		2011	2010
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	148.698.991.243	148.508.165.109
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm Trong đó:	(30.406.400.950)	190.826.134
1	- Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	(30.406.400.950)	190.826.134
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	118.292.590.293	148.698.991.243



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Le Thi Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Đầu Tư Khoản HSBC

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B07-QĐT

Số thứ tự	Chỉ Tiêu	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2011 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2011 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			106.902.835.700	89,94
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT)	43.137	34.200	1.475.285.400	1,24
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	26.828	21.700	582.167.600	0,49
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang(ACL)	66.732	17.200	1.147.790.400	0,97
4	Công ty Cổ Phần Bibica (BBC)	78.900	11.100	875.790.000	0,74
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	65.200	14.900	971.480.000	0,82
6	Tập đoàn Bảo Việt (BVH)	143.177	41.000	5.870.257.000	4,94
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII)	144.330	21.600	3.117.528.000	2,62
8	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG)	108.950	56.000	6.101.200.000	5,13
9	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	26.555	10.400	276.172.000	0,23
10	Tổng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)	196.000	23.800	4.664.800.000	3,92
11	Công ty Cổ phần Cao Su Đồng Phú (DPR)	57.900	46.300	2.680.770.000	2,26
12	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	376.833	14.300	5.388.711.900	4,53
13	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	110.150	49.700	5.474.455.000	4,61
14	Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	40.166	17.900	718.971.400	0,60
15	Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	163.260	19.500	3.183.570.000	2,68
16	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hoà Bình (HBC)	2	22.900	45.800	0,00
17	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HCM)	133.000	14.000	1.862.000.000	1,57
18	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu (HDC)	42.278	17.400	735.637.200	0,62
19	Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	135.600	17.500	2.373.000.000	1,99
20	Tập đoàn Hoa Sen (HSG)	31.160	8.300	258.628.000	0,22

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

B07-QĐT

Số thứ tự	Chỉ Tiêu	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2011 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2011 (%)
I Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)					
21	Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	80.043	26.000	2.081.118.000	1,75
22	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	87.760	10.800	947.808.000	0,80
23	Tập đoàn Masan (MSN)	110.100	90.500	9.964.050.000	8,38
24	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	271.900	7.000	1.903.300.000	1,60
25	Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí (PVC)	177.921	12.000	2.135.052.000	1,80
26	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí Petro Việt Nam (PVD)	115.233	33.200	3.825.735.600	3,22
27	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVF)	50.000	7.200	360.000.000	0,30
28	Công ty Cổ phần PVI (PVI)	25.000	18.400	460.000.000	0,39
29	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	162.168	11.300	1.832.498.400	1,54
30	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	185.100	13.700	2.535.870.000	2,13
31	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	369.740	15.100	5.583.074.000	4,70
32	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (TDH)	5	11.400	57.000	0,00
33	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)	214.850	21.800	4.683.730.000	3,94
34	Công ty Cổ phần Vincom (VIC)	109.310	99.500	10.876.345.000	9,15
35	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	132.360	86.500	11.449.140.000	9,63
36	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH)	61.060	8.300	506.798.000	0,43

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo) B07-QĐT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số Stt	Chỉ Tiêu	Số lượng	Giá thị trường ngày 31/12/2011 (VNĐ)	Tổng giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31/12/2011 (%)
I	Các tài sản khác			137.721.111	0.11
1	Cổ tức được nhận			133.000.000	0.11
2	Lãi tiền gửi được nhận			4.721.111	0.00
III	Tiền			11.822.500.501	9.95
1	Tiền gửi ngân hàng			11.822.500.501	9.95
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			118.863.057.312	100.00



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

nhà
Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phản Dịch Vụ Khoản HSBC

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiên
Kế toán trưởng



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B04-QĐT

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN ngày 05 tháng 10 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp. Theo quy định trên Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 7 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 181/QĐ-SGDHCM

ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam ("MAMV"), Công ty Quản lý của Quỹ. Công ty được thành lập theo giấy phép số 04/UBCK-GPHDQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005 và các Quyết định điều chỉnh sau:

Quyết định điều chỉnh số	Ngày
413/QĐ - UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK - GPDCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK - GPDCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008
80/UBCK - GPDC	Ngày 16 tháng 11 năm 2010
23/GPDC - UBCK	Ngày 24 tháng 11 năm 2011

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. HSBC Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008 và sửa đổi ngày 26 tháng 11 năm 2008.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là sự tăng trưởng vốn. Quỹ đầu tư vào danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng hóa, tập trung chủ yếu vào những chứng khoán của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao và tiềm năng phát triển lâu dài. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu sẽ niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 và Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về hệ thống kế toán và báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ đầu tư chứng khoán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá

gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh số 3.2).

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và các báo cáo tài chính được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ thay đổi sau về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Quỹ đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan khác như được trình bày tại Thuyết minh số 13 trên các báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Quỹ vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định liên quan áp dụng cho các Quỹ đầu tư.

3.2 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng với chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tháng theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ đánh giá lại khoản đầu tư được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động theo quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính. Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng phù hợp với Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 6 năm 2007. Cụ thể như sau:

- Các khoản đầu tư đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất;
- Các khoản đầu tư có giao dịch trên thị trường không chính thức được đánh giá theo giá bình quân lấy từ ba công ty chứng khoán và có xem xét thêm tính thanh khoản của cổ phiếu; và
- Các khoản đầu tư khác được đánh giá theo mức giá của lần gop vốn gần nhất, giá gốc hay bằng cách áp dụng các phương pháp khác mà đã được Ngân hàng Giám sát và Lưu ký đồng ý và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư mua bán chứng khoán vào ngày Quỹ thực hiện các giao dịch này.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với số cổ phiếu được nhận tương ứng từ việc thực hiện quyền.

3.3 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận và mệnh giá được ghi nhận đối với các đơn vị quỹ đã phát hành.

3.4 Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán cho số đơn vị quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

3.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc ban đầu .

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.7 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được hạch toán vào kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ việc đầu tư mà đã được hạch toán vào giá mua các khoản đầu tư đó. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

3.9 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường và phản ánh trong các báo cáo tài chính vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân viên quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại ngân hàng sau đây:

	VNĐ 31/12/2011	VNĐ 31/12/2010
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.070.000.000	
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	5.752.500.501	7.819.418.218
TỔNG CỘNG	11.822.500.501	7.819.418.218

5. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên Báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 3.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Giá mua	Lãi do dánh giá lại	Lỗ do dánh giá lại	VNĐ Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2011
Cổ phiếu niêm yết	153.566.446.930	9.339.382.673	(56.002.993.903)	106.902.835.700
TỔNG CỘNG	153.566.446.930	9.339.382.673	(56.002.993.903)	106.902.835.700

6. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	VNĐ 31/12/2011	VNĐ 31/12/2010
Cổ tức được nhận	133.000.000	626.899.000
Lãi trái phiếu được nhận	-	25.119.562
Lãi tiền gửi được nhận	4.721.111	-
TỔNG CỘNG	137.721.111	652.018.562

7. PHẢI TRẢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

	VNĐ 31/12/2011	VNĐ 31/12/2010
Phí quản lý Quỹ	197.516.845	248.278.783
Phí giám sát và lưu ký	20.000.000	20.000.000
TỔNG CỘNG	217.516.845	268.278.783

8. PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	VNĐ
	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí kiểm toán	218.790.000	131.863.500
Phải trả chi phí họp, đại hội	134.160.174	207.334.380
TỔNG CỘNG	352.950.174	339.197.880

9. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	VNĐ	VNĐ
	Năm 2011	Năm 2010
Vốn góp đầu năm	214.095.300.000	214.095.300.000
Tăng vốn góp trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	214.095.300.000	214.095.300.000

Căn cứ theo Giấy phép số 10/UBCK-GCN, Quỹ được phép phát hành 21.409.530 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng/dơn vị quỹ.

Tất cả các đơn vị quỹ đều có quyền như nhau, bao gồm quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn trả vốn góp và các quyền khác. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp đủ vốn được quyền hưởng cổ tức khi Công ty Quản lý Quỹ công bố và tương ứng một quyền biểu quyết.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2012, các cổ đông nắm giữ đơn vị quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VNĐ)	Số đơn vị Quỹ nắm giữ	%
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	83.830.000.000	8.383.000	39,16
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt (đại diện bởi Ông Tổng Văn Dũng)	36.694.200.000	3.669.420	17,14
Các cổ đông khác	93.571.100.000	9.357.110	43,70
TỔNG CỘNG	214.095.300.000	21.409.530	100,00

10. LỖ LŨY KẾ

	VNĐ	VNĐ
	Năm 2011	Năm 2010
Lỗ lũy kế đầu năm (Lỗ)/lãi thuần trong năm	(65.396.308.757) (30.406.400.950)	(65.587.134.891) 190.826.134
LỖ LŨY KẾ CUỐI NĂM	(95.802.709.707)	(65.396.308.757)

11. PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	VNĐ
	Năm 2011	Năm 2010
Phí duy trì tài khoản nhà đầu tư	243.149.500	245.989.087
Phí báo giá chứng khoán	54.000.000	18.000.000
Phí niêm yết	22.140.953	21.427.302
Thù lao cho Ban đại diện Quỹ	20.000.000	9.000.000
Chi phí quảng cáo	12.385.000	-
Phí ngân hàng	3.790.665	1.609.255
TỔNG CỘNG	355.466.118	296.025.644

12. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần, rủi ro tín dụng.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quỹ. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ.

Quỹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Quỹ tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VNĐ. Quỹ không có rủi ro về tiền tệ.

12.2 Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ủy ban đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 106.902.835.700 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 139.759.683.700 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lỗ của Quỹ sẽ tăng khoảng 10.690.283.570 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.975.968.370 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lỗ của Quỹ sẽ giảm xuống khoảng 10.690.283.570 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.975.968.370 VNĐ).

12.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có

rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

12.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

13. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 13 trên các báo cáo tài chính. Các khoản mục tài sản và nợ của Quỹ vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định liên quan áp dụng cho các Quỹ đầu tư.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn

hạn, các khoản phải thu từ hoạt động chứng khoán, và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không

phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

13. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Đơn vị tính: VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh				
- Cổ phiếu niêm yết	106.902.835.700	140.835.031.126	106.902.835.700	140.835.031.126
- Trái phiếu chuyển đổi	106.902.835.700	139.759.683.700	106.902.835.700	139.759.683.700
- Quyền mua cổ phiếu	-	857.067.276	-	857.067.276
Các khoản phải thu				
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	218.280.150	-	218.280.150	-
Tiền và các khoản tương đương tiền				
- Phải trả cho các bên có liên quan	137.721.111	652.018.562	137.721.111	652.018.562
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.822.500.501	7.819.418.218	11.822.500.501	7.819.418.218
Tổng cộng	118.863.057.312	149.306.467.906	118.863.057.312	149.306.467.906
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả cho các bên có liên quan	217.516.845	268.278.783	217.516.845	268.278.783
Phải trả khác	352.950.174	339.197.880	352.950.174	339.197.880
Tổng cộng	570.467.019	607.476.663	570.467.019	607.476.663

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, phải thu khác, phải trả cho các bên có liên quan, phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản

mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
- Giá trị hợp lý của quyền mua cổ phiếu được đánh giá lại và hạch toán vào ngày báo cáo theo giá thị trường sau khi trừ giá cam kết mua.

14. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam được hưởng phí quản lý quỹ hàng năm. Phí quản lý quỹ hàng năm bằng 2,00% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

	VNĐ	Năm 2011	Năm 2010
Phí Quản lý Quỹ		2.730.108.968	2.946.128.046

ii) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC Việt Nam"), Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Quỹ đã chỉ định HSBC Việt Nam làm Ngân hàng Giám sát và Lưu ký. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký một khoản phí lưu ký hàng năm bằng 0,06% giá trị tài sản ròng của Quỹ, phí giám sát hàng năm bằng 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ và phí giao dịch chứng khoán là 195.000 VNĐ/một giao dịch, nhưng tối thiểu bằng 19.500.000 VNĐ mỗi tháng (bao gồm phí lưu ký tối thiểu 14.500.000 VNĐ và phí giám sát tối thiểu 5.000.000 VNĐ); phí giám sát thuộc đối tượng chịu giá trị gia tăng 10%. Ngoài ra, từ 1 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) có thu thêm thu phí lưu ký trên giá trị tài sản lưu ký cuối tháng và phí chuyển khoản chứng khoán thực hiện trong tháng của Quỹ. Các khoản phí này sẽ

được ngân hàng thanh toán lại cho Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") hàng tháng và được tính cụ thể như sau:

- Phí lưu ký tại TTLKCK: 0,5 VNĐ/cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ mỗi tháng và 0,2 VNĐ/trái phiếu mỗi tháng.
- Phí chuyển khoản chứng khoán của TTLKCK: 0,5 VNĐ/cổ phiếu/giao dịch (nhưng không vượt quá VNĐ 500.000/giao dịch)

(Căn cứ theo Thông tư số 27/2010/TT-BTC ban hành bởi Bộ tài chính qui định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vào ngày 26 tháng 02 năm 2010).

	VNĐ	Năm 2011	Năm 2010
Phí giám sát và lưu ký Tiền gửi tại HSBC		260.733.039 5.752.500.501	232.506.640 7.819.418.218

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ trong năm 2011 là 20.000.000 đồng (năm 2010: 9.000.000 đồng) và được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Ngoài thù lao cho Ban đại diện, không có bất kỳ hợp đồng hay giao dịch nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

iv) Số lượng chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2012, các bên liên quan nắm giữ đơn vị Quỹ với số lượng cụ thể như sau:

Các bên liên quan	Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	8.383.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam	Không
HSBC Việt Nam	Không
~Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt	3.669.420

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Ngọc Trang	Chủ tịch	Không
Bà Lâm Lê Linh	Thành viên	100.000
Bà Trịnh Bích Ngọc	Thành viên	5.000
Ông Tống Văn Dũng	Thành viên	Không
(đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Việt)		

15. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

	Năm 2011	Năm 2010
I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư		
1 Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	89,94%	94,32%
2 Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	89,94%	93,60%
3 Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	89,94%	93,60%
4 Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,00%
5 Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,00%	0,57%
6 Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng giá trị tài sản	-	0,15%
7 Tỷ lệ tiền mặt/Tổng giá trị tài sản	9,95%	5,24%
8 Tỷ lệ thu nhập/Tổng giá trị tài sản	-22,46%	2,67%
9 Tỷ lệ chi phí/Tổng giá trị tài sản	3,12%	2,54%
II Các chỉ số thị trường		
1 Tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành (đơn vị quỹ)	21.409.530	21.409.530
2 Tỷ lệ nắm giữ đơn vị quỹ của các nhân viên Công ty Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam/Tổng số đơn vị quỹ	0,00%	0,00%
3 Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	5.525	6.945

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Tại ngày 23 tháng 2 năm 2012, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã tăng 21.747.308.800 VNĐ do sự sụt giảm chung của thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

	Ngày 31/12/2011	Ngày 23/2/2012	Biến động	VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	106.902.835.700	128.650.144.500	21.747.308.800	
TỔNG CỘNG	106.902.835.700	128.650.144.500	21.747.308.800	

17. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 24 tháng 2 năm 2012.



Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC
(Việt Nam)

Thị Thành Tâm
Giám đốc Dịch vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Đầu Tư Khoán HSBC

K
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Ông Trần Hồng Tiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife
Việt Nam
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Trinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN MANULIFE ASSET MANAGEMENT

ĐÔI NÉT VỀ CHÚNG TÔI

Chúng tôi là một trong những tập đoàn quản lý quỹ đầu tư hàng đầu thế giới, có các chuyên gia đầu tư đang hiện diện làm việc tại 17 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Là phân nhánh kinh doanh chuyên về quản lý tài sản của Tập đoàn Manulife Financial, Manulife Asset Management hiện có trên 300 chuyên gia đầu tư làm việc tại Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương và Nam Mỹ, quản lý khối tài sản đầu tư trị giá trên 208 tỷ USD tại ngày 31/12/2011.

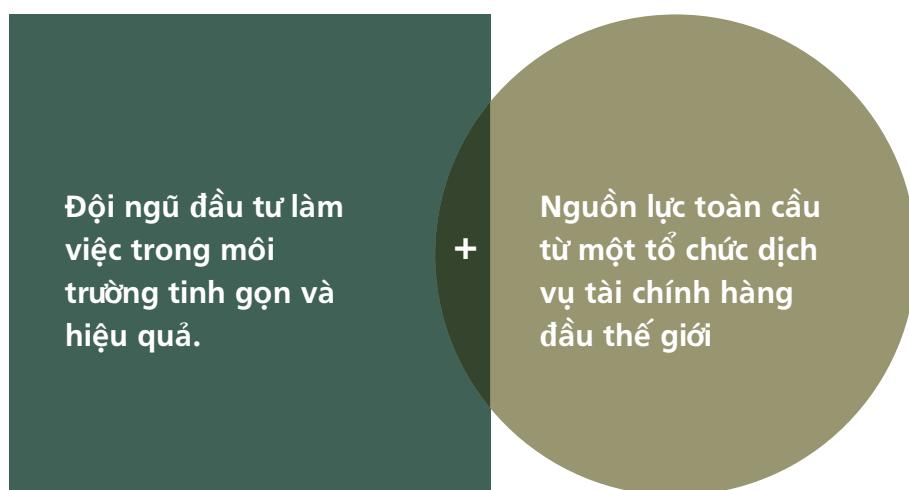
Nhờ vị thế vững vàng của Tập đoàn mẹ - Manulife Financial Corporation – mà chúng tôi có thể:

- Tận dụng lợi thế về mạng lưới hoạt động kinh doanh rộng khắp khu vực Châu Á của Manulife, nhằm mang lại lợi ích cho nhà đầu tư từ kinh nghiệm chuyên môn về thị

trường địa phương tại 10 quốc gia trong khu vực.

- Đảm bảo sự phát triển và kinh doanh ổn định của công ty trong lĩnh vực quản lý tài sản ngay từ những ngày đầu thành lập, ngay cả trong những giai đoạn khó khăn về kinh tế.
- Thu hút nguồn nhân lực tài năng và phát triển hạ tầng đầu tư tiên tiến nhất.
- Lập và duy trì hiệu quả của các quỹ/chiến lược đầu tư mang đến cho khách hàng tiềm năng tăng trưởng vượt trội trong dài hạn.
- Cam kết hoạt động và phục vụ khách hàng lâu dài tại Châu Á và góp phần tích cực vào sự phát triển không ngừng của thị trường khu vực này.

ĐIỀU LÀM NÊN SỰ KHÁC BIỆT CỦA CHÚNG TÔI



Chuyên viên đầu tư năng động và độc lập. Nguồn lực toàn cầu. Chính điều đó tạo nên sự khác biệt của Manulife Asset Management, nơi có thể thu hút các chuyên gia giỏi nhất đến làm việc và mang lại kết quả đầu tư vượt trội cho khách hàng trong dài hạn.

Đó là một công thức riêng biệt tạo nên thành công. Khởi đầu là một công ty quản lý quỹ cho các khách hàng định chế với sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ Manulife Financial, Tập đoàn Dịch vụ Tài chính hàng đầu thế giới; Một doanh nghiệp đang mang đến cho hàng triệu khách hàng sự ổn định, thông qua hệ thống quản trị rủi ro mạnh mẽ, hiệu quả và mạng lưới nguồn lực hỗ trợ toàn cầu.

Công thêm sự nhanh nhẹn và tập trung nhờ môi trường làm việc tinh gọn nhưng năng động và hiệu quả. Đó chính là sự khác biệt trong cách chúng tôi làm việc. Từng bộ phận đầu tư chuyên ngành được trao quyền đưa ra các quyết định phù hợp với triết lý đầu tư riêng của họ và đáp ứng mục tiêu đầu tư của khách hàng.

Mỗi bộ phận đều có quy trình đầu tư riêng của mình để thực hiện, từ bước nghiên cứu đến khi triển khai đầu tư và đánh giá kết quả đạt được.Thêm vào đó, họ được hưởng lợi từ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn thực tế được chia sẻ bởi các đồng nghiệp trên toàn cầu.

THẾ VÀ LỰC TRÊN TOÀN CẦU

Mạng lưới toàn cầu, am hiểu địa phương

- Trên 300 chuyên gia đầu tư
- Các công ty Quản lý quỹ thành viên hiện diện tại 17 quốc gia và vùng lãnh thổ



Mạng lưới toàn cầu. Các nhà đầu tư ngày càng có xu hướng tìm kiếm và đa dạng hóa cơ hội đầu tư vượt ra khỏi thị trường nội địa của họ và không có nhiều công ty quản lý quỹ đầu tư có thể đáp ứng được đòi hỏi này của khách hàng tốt hơn Manulife Asset Management. Chỉ riêng ở Châu Á, khu vực chiếm trên 60% dân số thế giới, chúng tôi đã hiện diện tại 10 quốc gia và vùng lãnh thổ để phục vụ quý nhà đầu tư.

Mạng lưới các công ty quản lý quỹ và chi nhánh trực thuộc tập đoàn đảm bảo nhà quản lý danh mục và các chuyên viên phân tích tài chính của chúng tôi có thể đưa ra các đánh giá nhận định thị trường sát với thực tế và có giá trị vượt trội so với của nhiều các công ty quản lý quỹ khác về nhiều lĩnh vực đầu tư đa dạng. Các bộ phận đầu tư trên toàn cầu thường xuyên trao đổi thông tin với nhau, chia sẻ ý tưởng và nhận định chuyên môn để đảm bảo rằng tất cả các khách hàng được hưởng lợi từ kinh nghiệm chuyên môn của họ và nâng cao hiệu quả đầu tư.

KHẢ NĂNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐA DẠNG

Các chiến lược đầu tư và quản lý tài sản điển hình, bao gồm:

CỔ PHIẾU

- Cơ bản
- Định lượng
- Theo chỉ số

CHỨNG KHOÁN NỢ

- Công cụ thị trường tiền tệ
- Trái phiếu chính phủ
- Chứng khoán chọn lọc
- Công cụ rủi ro/lợi suất cao
- Tín dụng cơ cấu

TÀI SẢN VẬT CHẤT

- Đất trồng rừng
- Nông nghiệp
- Bất động sản

CHIẾN LƯỢC PHÂN BỐ TÀI SẢN

- Cơ bản
- Chủ động
- Dựa trên mục tiêu về thời gian /rủi ro
- Theo cấu trúc nguồn vốn



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM – MANULIFE AM (VIỆT NAM)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam là công ty thành viên trực thuộc Tập đoàn Quản lý Quỹ/Tài sản Manulife Asset Management™ - phân nhánh kinh doanh cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đầu tư chuyên nghiệp cho khách hàng định chế. Khách hàng của chúng tôi được hưởng lợi từ kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về thị trường địa phương do đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu năng lực, gắn kết trong công việc với nhau trên khắp các khu vực Châu Á, Bắc Mỹ và Châu Âu, được củng cố bởi các quy trình đầu tư và quản trị rủi ro đẳng cấp thế giới và sự hỗ trợ từ một tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu thế giới - Manulife Financial Corporation.

Manulife AM (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép thành lập và Hoạt động số 4104000117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 06 năm 2005; Giấy phép Quản lý quỹ số 04/UBCK-GPHDQLQ cấp ngày 14 tháng 06 năm 2005; Giấy phép điều chỉnh số 06/UBCK-GPHDQLQ ngày 11 tháng 10 năm 2007; Quyết định số 413/QĐ-UBCK ngày 12 tháng 07 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 80/UBCK-GPDC ký ngày 16 tháng 11 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 23/GPDC-UBCK ký ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Manulife AM (Việt Nam) là công ty quản lý quỹ độc lập, hoạt động chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngoài kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, hầu hết các chuyên viên làm việc tại Manulife AM (Việt Nam) đều có chứng chỉ hành nghề chuyên môn do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có khả năng mang đến cho khách hàng đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tương xứng với đẳng cấp của một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu. Tổng tài sản chúng tôi đang quản lý tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương đương 280 triệu USD.

Để có thêm thông tin về Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam, vui lòng truy cập website tại địa chỉ
manulifeam.com.vn



Bộ phận Đầu tư – Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam. Hình từ trái sang:

- Nguyễn Đức Hải – Trưởng phòng Đầu tư Chứng khoán Lãi suất cố định;
- Nguyễn Liêu Thanh Vân – Chuyên viên, phòng Đầu tư Chứng khoán Lãi suất cố định;
- Nguyễn Vũ Ngọc Trinh – Tổng Giám Đốc kiêm GĐ Điều hành về Đầu tư;
- Trần Thị Kim Cương – Trưởng phòng Đầu tư Cổ phiếu;
- Uông Đình Thắng – Phó Trưởng phòng Đầu tư Cổ phiếu;
- Huỳnh Tuần Khánh – Chuyên viên Phân tích, Phòng Đầu tư Cổ phiếu.

NHỮNG GHI CHÚ QUAN TRỌNG

Tài liệu này không được xem hoặc là một phần của một lời đề nghị chào bán hoặc mời mua hoặc tham gia cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác; không phần nào trong tài liệu, bao gồm cả việc phân phát tài liệu này cấu thành cơ sở của hoặc được dựa vào làm căn cứ cho bất kỳ hợp đồng nào có liên quan.

Các thông tin trong tài liệu này chỉ nhằm mục đích minh họa, chưa được kiểm chứng và có thể được sửa đổi, bổ sung và cập nhật. Không có một tuyên bố hoặc bảo đảm nào được đưa ra, dù rõ ràng hay ám chỉ, cho sự trung thực, chính xác hoặc hoàn chỉnh của các thông tin chứa đựng trong tài liệu này và không có sự tín nhiệm nào được dựa trên tài liệu này.

Đầu tư chứa đựng rủi ro. Các thành tích trong quá khứ không phải là cơ sở cho hoạt động trong tương lai. Xin vui lòng xem lại Bản Cáo Bạch MAFPF1 để có thêm thông tin.

Các thông tin hoạt động trong tài liệu này mô tả hoạt động trong quá khứ và không đảm bảo cho kết quả của tương lai. Lãi và vốn gốc của một khoản đầu tư sẽ thay đổi, chính vì vậy các cổ phần, lúc mua lại, có thể cao hoặc thấp hơn chi phí ban đầu. Do tính chất biến đổi của thị trường, kết quả hoạt động hiện tại của quỹ có thể cao hoặc thấp hơn và có thể thay đổi đáng kể.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM

Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84 – 8) 5416 6777 Fax: (84 – 8) 5416 0761

manulifeam.com.vn



 **Manulife Asset Management™**

